

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Thêm;

2. Bà Phạm Thị Thu Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn c, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Thái Thanh Q, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Thái Thanh Q yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/01/2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hoà hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn tới cãi nhau thường xuyên. Ông Q còn thường xuyên uống rượu rồi về nhà chửi mắng đánh đập tôi. Vợ chồng tôi cũng nhiều lần được hai bên gia đình và Hội trưởng Hội phụ nữ

thôn khuyển can hòa giải. Chúng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Xét thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi và ông Q đã sống ly thân với nhau được một thời gian. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Thái Thanh Q.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Thái Thị Lệ T sinh ngày 14/11/2006, Thái Anh Đ sinh ngày 09/9/2009 và Thái Thanh S sinh ngày 14/11/2013. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 03 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông Thái Thanh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Thái Thanh Q vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông Thái Thanh Q.*

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Thái Thanh Q.

Về con chung: Giao con Thái Anh Đ sinh ngày 09/9/2009 cho bà Lê Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao con Thái Thị Lệ T sinh ngày 14/11/2006 và Thái Thanh S sinh ngày 14/11/2013 cho ông Thái Thanh Q nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Thái Thanh Q có nơi cư trú tại thôn C, xã Ea Pil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Thái Thanh Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân giữa ông Q và bà B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông Q thường xuyên uống rượu say về nhà chửi mắng, đánh đập vợ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay bà B và Ông Q đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà B và Ông Q không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận, giải quyết cho bà B được ly hôn với Ông Q.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị B và ông Thái Thanh Q có 03 con chung là Thái Thị Lệ T sinh ngày 14/11/2006, Thái Anh Đ sinh ngày 09/9/2009 và Thái Thanh S sinh ngày 14/11/2013. Bà Lê Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con cho đến lúc các con đủ 18 tuổi. Xét điều kiện kinh tế thì thấy bà B và Ông Q làm nghề nông, ngoài ra Ông Q làm thêm nghề cửa sắt, bà B làm nghề buôn bán trái cây dạo có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng và đang sống cùng bố mẹ tại thôn 9, xã E, huyện M. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích cũng như tâm, sinh lý của các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao con Thái Thị Lệ T cho bà B nuôi dưỡng và giao hai con Thái Anh Đ và Thái Thanh S cho Ông Q nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu ông Thái Thanh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Thái Thanh Q.

Về con chung: Giao con Thái Thị Lệ T sinh ngày 14/11/2006 cho bà Lê Thị B nuôi dưỡng; giao con Thái Anh Đ sinh ngày 09/9/2009 và con Thái Anh Sang cho ông Thái Thanh Q sinh ngày 14/11/2013 nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà Lê Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E, huyện M;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà